

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VINH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2023

*“V/v yêu cầu tuyên bố không  
công nhận quan hệ vợ chồng  
và tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Minh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Lộc
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vinh Châu tham gia phiên Tòa:** bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lý Thị Huỳnh N; sinh năm: 1977 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số D khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị Huỳnh N trình bày:

Vào năm 2003, ông Lý Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Văn T được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian sống chung, bà N và ông T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Như N1 (giới tính: Nữ); sinh ngày 13/12/2014. Về sau, giữa bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Nay bà Lý Thị Huỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Huỳnh N yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà với ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Con chung là cháu Nguyễn Như N1 (nữ); sinh ngày 13/12/2014 muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu N1 sống với bà N thì bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Nếu cháu N1 muốn sống với ông Nguyễn Văn T thì bà không thực hiện việc cấp dưỡng. Đối với con chung là Nguyễn Khánh L (nữ) sinh ngày 17/10/2004 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Huỳnh N nhưng ông T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho ông T và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 07/8/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Lý Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn Lý Thị Huỳnh N. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy

định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Lý Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng; về con chung: Giao cho bà Lý Thị Huỳnh N được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Như N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 13/12/2014 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng cho cháu N1; đối với con chung tên Nguyễn Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 17/10/2004 đã thành niên, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; về án phí: Nguyên đơn bà Lý Thị Huỳnh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Lý Thị Huỳnh N khởi kiện, yêu cầu không công nhận quan hệ sống chung giữa bà và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng. Yêu cầu của bà N được pháp luật điều chỉnh tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Lý Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung giải quyết:

[3] Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Huỳnh N và việc bị đơn ông Nguyễn Văn T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ về Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn bà Lý Thị Huỳnh N và bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là sự thật. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Văn T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố

không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Lý Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

[4] Đối với quyền nuôi con chung: Cháu Nguyễn Như N1 hiện nay đang sống cùng với bà Lý Thị Huỳnh N, được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Hơn nữa, cháu Nguyễn Như N1 còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ và bà N xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1. Đồng thời, cháu N1 có nguyện vọng được sống chung với bà N nên cần ghi nhận sự tự nguyện của cháu Nguyễn Như N1 được sống chung với bà Lý Thị Huỳnh N khi Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà N và ông T không phải là quan hệ vợ chồng. Đối với con chung là Nguyễn Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 17/10/2004 đã thành niên, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị Huỳnh N phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Lý Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Văn T không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Lý Thị Huỳnh N được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Như N1 (giới tính: Nữ); sinh ngày 13/12/2014 đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của bà Lý Thị Huỳnh N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng cho con. Đối với con chung là Nguyễn Khánh L (giới tính:

Nữ); sinh ngày 17/10/2004 đã thành niên, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Trong thời gian bà Lý Thị Huỳnh N nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Như N1, bà Lý Thị Huỳnh N có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; ông Nguyễn Văn T có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

#### 4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị Huỳnh N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007841 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, bà Lý Thị Huỳnh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Minh Tuấn**

